

Số : 358/CNTY-TCTH

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 3 năm 2024

V/v báo giá để xây dựng giá gói thầu
vật tư, hóa chất, test, kit phục vụ công tác
chẩn đoán xét nghiệm năm 2024

Kính gửi: Các Doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh vật tư,
hóa chất, test, kit xét nghiệm

Thực hiện công tác chẩn đoán xét nghiệm các chương trình, đề án ngành
chăn nuôi, thú y trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh năm 2024.

Căn cứ khoản 2, Điều 39 của Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23
tháng 6 năm 2023, theo đó có quy định:

"a) Giá gói thầu là giá trị của gói thầu được phê duyệt trong kế hoạch
lựa chọn nhà thầu. Giá gói thầu bao gồm toàn bộ chi phí để thực hiện gói thầu,
kể cả chi phí dự phòng, phí, lệ phí và thuế. Giá gói thầu được cập nhật trong
thời hạn 28 ngày trước ngày mở thầu nếu cần thiết;

b) Đối với gói thầu chia phần thì ghi rõ giá gói thầu và giá ước tính cho
từng phần trong giá gói thầu;

c) Đối với gói thầu áp dụng tùy chọn mua thêm quy định tại khoản 8 Điều
39 Luật Đấu thầu năm 2023, giá gói thầu không bao gồm giá trị của tùy chọn
mua thêm.

Chính phủ quy định chi tiết về nội dung giá gói thầu trong kế hoạch lựa
chọn nhà thầu".

Để có cơ sở xây dựng giá gói thầu, tổ chức đấu thầu mua vật tư, hóa chất,
test, kit phục vụ công tác chẩn đoán xét nghiệm năm 2024 theo quy định của
Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15, Chi cục Chăn nuôi và Thú y Thành phố Hồ
Chí Minh kính đề nghị các Doanh nghiệp báo giá vật tư, hóa chất, test, kit xét
nghiệm các loại (theo Danh mục đính kèm). Bảng báo giá gửi về Chi cục Chăn
nuôi và Thú y trước ngày 29 tháng 3 năm 2024, theo địa chỉ số 151 Lý Thường
Kiệt, Phường 7, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh (Bà Cao Thị Minh, Kế toán
trưởng, điện thoại: 0908963565, mail: tckt@chicucntyhcm.gov.vn).

Nơi nhận:

- Như trên;
- BLĐ Chi cục CNTY;
- Lưu VT, TCTH (06).

CHI CỤC TRƯỞNG



Lê Việt Bảo



**DANH SÁCH DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT, KINH DOANH VẬT TƯ, HÓA CHẤT,
TEST, KIT XÉT NGHIỆM**

(Đính kèm theo Công văn số 358 /CNTY-TCTH ngày 22 tháng 3 năm 2024)

ST T	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Số điện thoại, email	Ghi chú
1	Công ty TNHH Hóa chất Thiết bị Khoa học Hưng Việt	125/2 Trần Huy Liệu, Phường 11, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh	ĐT: 028.38489062 Email: datpham@sacky.com.vn	
2	Công ty TNHH B.C.E Việt Nam	Tầng 10, Tòa nhà Licogi 13, số 164 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội. VPĐD : 49/3 Hoàng Dur Khương, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh	ĐT: 024.32345666/ 028.6290 5623 Email: sales18@bcevietnam.com.vn	
3	Công ty CP Xuất nhập khẩu Hóa chất và Thiết bị Kim Ngưu	85 phố Đức Giang, phường Đức Giang, quận Long Biên, TP. Hà Nội	ĐT: 0919205150 Email: tranphuongbac@labvietchem.com.vn	
4	Công ty TNHH Phát triển Khoa học Vitech	Lô13 Lô 1G, Khu đô thị Trung Yên, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội.	ĐT: 024.37835922 Email: info@vitechltd.vn hoặc haint@vitechltd.vn	
5	Công ty CP Thương mại và sản xuất Thuốc thú y Thịnh Á	220 Phạm Thế Hiển, Phường 2, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh	ĐT: 028.38515503 Email: lethituyetnhung.asifac@gmail.com	
6	Công ty TNHH Sinh học phòng thí nghiệm và Công nghệ	52, ngõ 121/3 Kim Ngưu, phường Thanh Lương, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội	ĐT: 0904242051 Email: xuanthangdinh@gmail.com hoặc biolabtekvn@gmail.com	
7	Công ty TNHH Công nghệ NHONHO	K2-17 Võ Nguyên Giáp, phường Phú Thứ, quận Cái Răng, TP. Cần Thơ	ĐT: 0826449779 Email: Thinh.nguyen@nhovn.com	

8	Công ty CP Hóa chất - Thiết bị phòng thí nghiệm và Công nghệ	Căn số 1 mẫu nhà A Dự án 31, phố Dịch Vọng, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội	ĐT: 0913560043 Email: huonglaboteck@gmail.com	
9	Công ty CP Dịch vụ Khoa học Công nghệ Thế Kỷ mới	275 Quốc lộ 1A, phường Bình Hưng Hòa, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh 0949694047	ĐT: 0949694047 Email: sale2@linvanil.com	
10	Công ty TNHH Khoa học TSL	592A Cộng Hòa, Phường 13, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	ĐT: 0911249775 Email: sale1@linvanil.com	
11	Công ty CP Công nghệ VIETLABS	26 đường D1A, Khu dân cư Trí Kiệt, phường Phước Long B, thành phố Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	SĐT: 0907600775 Email: sale3@linvanil.com	
12	Công ty TNHH Thiết bị Khoa học Kỹ thuật Trung Hải	47 Đường số 2, Khu dân cư City Land, Phường 10, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh	SĐT: 028.22442724 Email: Thao.vu@thscientific.com	
13	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Nam Thái	204 Vĩnh Hưng, phường Vĩnh Hưng, quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội	SĐT: 024.39877306 Email: namthaimiennam221@gmail.com	
14	Công ty TNHH Thiết bị Khoa học Kỹ thuật Mỹ Thành	445 Tô Hiến Thành, Phường 14, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh	SĐT: 028.38646051 Email: duchuy@mythanh.com	
15	Công ty TNHH Sinh học Nam Sài Gòn	10, Đường D1, Khu phố Thái Bình 2, phường Long Bình, thành phố Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	SĐT: 0919802679 Email: minh@nasago-bio.com	
16	Công ty TNHH Khoa học Kỹ thuật Hoa Thiên	284/41/2 Lý Thường Kiệt, Phường 14, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh	SĐT: 028.36362092 Email: truclinh@hoathiensci.vn	
17	Công ty TNHH ATGC	18, ngõ 138/3, phố Hạ Đình, phường Thanh Xuân, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội	SĐT: 0934314886 Email: mai.dn@atgc.vn hoặc khuyen.dt@atgc.vn	

DANH MỤC

Yêu cầu chủng loại, chất lượng vật tư, hóa chất, test, kit xét nghiệm
(Đính kèm công văn số /CNTY-TCTH ngày tháng 3 năm 2024
của Chi cục Chăn nuôi và Thú y)

I. Vật tư, test kit chương trình đảm bảo chất lượng nông, lâm, thủy sản và chương trình phát triển nông nghiệp

1. Yêu cầu chung

- Nguồn gốc, xuất xứ: thuộc các nước nhóm G7
- Nhãn mác: Đầy đủ theo quy định hiện hành đối với hàng hóa nhập khẩu, có nhãn phụ bằng tiếng Việt.
- Giấy chứng nhận phân tích: đi kèm bộ kit
- Hạn sử dụng: tối thiểu 12 tháng.
- Bảo quản: đúng theo hướng dẫn nhà sản xuất

2. Yêu cầu kỹ thuật

2.1. Kít ELISA Ractopamin: 05 bộ

- Nền mẫu: Thịt, thức ăn chăn nuôi và nước tiểu
- Độ nhạy hoặc LOD:
 - Thịt $\leq 0,1$ ppb; Nước tiểu: $\leq 0,4$ ppb; Thức ăn chăn nuôi: ≤ 1 ppb
- Độ đặc hiệu: Ractopamine: 100%;
- Hệ số tương quan hồi qui của đường chuẩn: $R^2 \geq 0,99$
- Bước sóng đo màu: 450nm
- Thành phần:

Tên nguyên liệu	Qui cách	Yêu cầu
- Đĩa phản ứng dạng trip	8 x 12 trip	
- Dung dịch chuẩn	6 x 0,8ml	0-1,5ng/ml
- Đối chứng dương	1 x 0,8 ml	100 ng/ml
- Dung dịch Ractopamine antibody #1	1 x 12ml	
- Dung dịch 100x HRP-conjugated antibody #2	1 x 250 μ l	kèm dung dịch pha loãng
- Dung dịch chất tạo màu	1 x 12ml	
- Dung dịch dừng phản ứng	1 x 14ml	
- Đệm rửa	1 x 28ml	
- Hóa chất đi kèm khác đủ để thực hiện các bước trong qui trình		

2.2. Kít ELISA Salbutamol: 05 bộ

- Nền mẫu: Thịt, thức ăn chăn nuôi và nước tiểu
- Độ nhạy hoặc LOD: Thịt, nước tiểu $\leq 0,1$ ppb; thức ăn chăn nuôi ≤ 5 ppb
- Độ đặc hiệu: Salbutamol: 100%
- Hệ số tương quan hồi qui của đường chuẩn: $R^2 \geq 0,99$
- Bước sóng đo màu: 450nm

f) Thành phần:

Tên nguyên liệu	Qui cách	Yêu cầu
- Đĩa phản ứng dạng trip	8 x 12 trip	
- Dung dịch chuẩn	6 x 1 ml	0-4,5ng/ml
- Đối chứng dương	1 x 1 ml	100 ng/ml
- Dung dịch kháng thể	1 x 6 ml	
- Dung dịch Enzym-conjugate	1 x 6 ml	kèm dung dịch pha loãng
- Dung dịch chất tạo màu	2 x 6 ml	
- Dung dịch dừng phản ứng	1 x 12 ml	
- Đệm rửa	1 x 40 ml	
- Hóa chất đi kèm khác đủ để thực hiện các bước trong qui trình		

2.3.Kít ELISA Oxytetracycline: 02 bộ

a) Nền mẫu: Sữa, thịt, thức ăn chăn nuôi

b) Độ nhạy hoặc LOD:

- Thịt, sữa $\leq 1,5$ ppb; thức ăn chăn nuôi $\leq 7,4$ ppb

c) Độ đặc hiệu: Oxytetracycline: 100%

d) Hệ số tương quan hồi qui của đường chuẩn: $R^2 \geq 0,99$

e) Bước sóng đo màu: 450nm

f) Thành phần:

Tên nguyên liệu	Qui cách	Yêu cầu
- Đĩa phản ứng dạng trip	8 x 12 trip	
- Dung dịch chuẩn	6 x 1,2 ml	0-4,5ng/ml
- Đối chứng dương	1 x 1,2 ml	2000 ng/ml
- Dung dịch kháng thể #1	1 x 2 ml	
- Dung dịch 100x HRP-conjugated antibody #2	1 x 300 μ l	kèm dung dịch pha loãng
- Dung dịch chất tạo màu	1 x 12 ml	
- Dung dịch dừng phản ứng	1 x 14 ml	
- Đệm rửa	1 x 28 ml	
- Hóa chất đi kèm khác đủ để thực hiện các bước trong qui trình		

2.4.Kít ELISA Sulfadimidin (Sulfamethazin): 02 bộ

a) Nền mẫu: thịt, sữa

b) Độ nhạy hoặc giới hạn phát hiện LOD: ≤ 1 ppb

c) Độ đặc hiệu: Sulfamethazine 100 %

d) Hệ số tương quan hồi qui của đường chuẩn: $R^2 \geq 0,99$

e) Bước sóng đo màu: 450nm

f) Thành phần:

Tên nguyên liệu	Qui cách	Yêu cầu
- Đĩa phản ứng dạng trip	8 x 12 trip	
- Dung dịch chuẩn	6 x 0,8 ml	0-10ng/ml
- Đối chứng dương	1 x 0,8 ml	100 ng/ml
- Dung dịch kháng thể #1	1 x 12 ml	
- Dung dịch 100 x HRP-conjugated antibody #2	1 x 250 μ l	kèm dung dịch pha loãng
- Dung dịch chất tạo màu	1 x 12 ml	
- Dung dịch dừng phản ứng	1 x 14 ml	
- Đệm rửa	1 x 28 ml	
- Hóa chất đi kèm khác đủ để thực hiện các bước trong qui trình		

- Dung dịch chất tạo màu 1 x 12 ml
- Dung dịch dừng phản ứng 1 x 14 ml
- Đệm rửa 1 x 28 ml
- Hóa chất đi kèm khác đủ để thực hiện các bước trong qui trình

2.5. Kít ELISA Streptomycin: 02 bộ

- a) Nền mẫu: thịt, sữa
- b) Độ nhạy hoặc giới hạn phát hiện LOD: thịt ≤ 5 ppb; sữa ≤ 2.5 ppb
- c) Độ đặc hiệu: Streptomycin, Dihydrostreptomycine: 100 %
- d) Hệ số tương quan hồi qui của đường chuẩn: $R^2 \geq 0,99$
- e) Bước sóng đo màu: 450nm

f) Thành phần:

Tên nguyên liệu	Qui cách	Yêu cầu
- Đĩa phản ứng dạng trip	8 x 12 trip	
- Dung dịch chuẩn	6 x 0,8 ml	0-5ng/ml
- Đối chứng dương	1 x 0,8 ml	1000 ng/ml
- Dung dịch kháng thể #1	1 x 6 ml	
- Dung dịch 100 x HRP-conjugated antibody #2	1 x 6 ml	kèm dung dịch pha loãng
antibody #2		
- Dung dịch chất tạo màu	1 x 12 ml	
- Dung dịch dừng phản ứng	1 x 14 ml	
- Đệm rửa	1 x 28 ml	
- Hóa chất đi kèm khác đủ để thực hiện các bước trong qui trình		

2.6. Kít ELISA Amoxicillin: 02 bộ

- a) Nền mẫu: thịt, sữa
- b) Độ nhạy hoặc giới hạn phát hiện LOD: ≤ 2 ppb
- c) Độ đặc hiệu: Amoxicillin: 100 %
- d) Hệ số tương quan hồi qui của đường chuẩn: $R^2 \geq 0,99$
- e) Bước sóng đo màu: 450nm

f) Thành phần:

Tên nguyên liệu	Qui cách	Yêu cầu
- Đĩa phản ứng dạng trip	8 x 12 trip	
- Chất chuẩn	2 x 1000 ng	
- Amoxicillin capture protein	1 x 1,8ml	kèm dung dịch pha loãng
- Dung dịch HRP-conjugated antibody #2	1 x 100 μ l	kèm dung dịch pha loãng
- Dung dịch chất tạo màu	1 x 12 ml	
- Dung dịch dừng phản ứng	1 x 14 ml	
- Đệm rửa	1 x 28 ml	
- Hóa chất đi kèm khác đủ để thực hiện các bước trong qui trình		

II. Vật tư, test kit chương trình phòng chống dịch gia súc, gia cầm, thủy sản và đại chó mèo

1. Yêu cầu chung

- a) Nguồn gốc, xuất xứ: trong hoặc ngoài nước

b) Nhãn mác: Đầy đủ theo quy định hiện hành đối với hàng hóa nhập khẩu, có nhãn phụ bằng tiếng Việt.

c) Giấy chứng nhận phân tích: đi kèm bộ kit

d) Hạn sử dụng: Tối thiểu 12 tháng.

e) Bảo quản kit theo nhà sản xuất

2. Yêu cầu kỹ thuật

2.1. Kít xét nghiệm phát hiện kháng thể bệnh dịch tả heo cổ điển: 03 bộ

a) Đặc tính: Phát hiện kháng thể kháng vi rút dịch tả heo trong huyết thanh và huyết tương heo.

b) Số mẫu thực hiện: ≥ 450 mẫu

c) Thành phần bộ kit

Tên nguyên liệu	Qui cách	Yêu cầu
- Đĩa phản ứng (96 giếng)	5 đĩa	Phủ epitope định vị miền A protein vỏ E2 (GP - 55) virus Dịch tả heo
- Kháng thể đơn dòng 30X	01 x 2,5ml	
- Dung dịch pha loãng conjugate	01 x 60 ml	
- Đệm rửa 200X	01 x 60 ml	
- Dung dịch pha loãng mẫu	02 x 11 ml	
- Đối chứng dương	01 x 2,2 ml	
- Đối chứng dương yếu	01 x 2,2 ml	
- Đối chứng âm	01 x 2,2 ml	
- Dung dịch chất tạo màu	01 x 60 ml	
- Dung dịch dừng phản ứng	01 x 60 ml	
- Tấm dán đĩa	Tấm	≥ 10

2.2. Kít xét nghiệm kháng thể kháng protein 3ABC virus Lở mồm Long móng (FMD): 01 bộ

a) Đặc tính: phát hiện kháng thể kháng protein 3ABC của virus Lở mồm Long móng trong huyết thanh của gia súc, cừu, dê và heo

b) Số mẫu thực hiện: ≥ 450 mẫu

c) Thành phần bộ kit

Tên nguyên liệu	Qui cách	Yêu cầu
- Đĩa phản ứng (96 giếng)	5 đĩa	Phủ kháng thể 3ABC đơn dòng đặc hiệu
- Kháng thể đơn dòng 30X	1x 2,2ml	
- Dung dịch pha loãng mẫu 2X	1 x 60 ml	
- Dung dịch bổ trợ (Additive) 30X	5 x 2,5 ml	
- Nước cất	2 x 10 ml	
- Đệm rửa 200X	1 x 60 ml	
- Đối chứng dương	1,4 ml	
- Đối chứng dương yếu	1,4 ml	
- Đối chứng âm	1,4 ml	

- Dung dịch chất tạo màu	60 ml	
- Dung dịch dừng phản ứng	60 ml	
- Tấm dán đĩa	Tấm	≥ 10

2.3. Kít xét nghiệm kháng thể gamma interferon kháng vi khuẩn lao: 01 bộ

a) Đặc tính: Máu kháng đông khi tiếp xúc với kháng nguyên Tuberculine sẽ tổng hợp ra IFN- γ (nếu gia súc nhiễm M. Bovis) được xác định bằng phương pháp ELISA.

b) Nhiệt độ ủ mẫu khi xét nghiệm ở 37 độ C. Đọc kết quả ở bước sóng 450 nm và 620 nm

c) Số lượng: Xét nghiệm ≥ 450 mẫu - Phát hiện kháng thể gamma interferon do tế bào Lympho trong máu toàn phần tiết ra khi ủ máu toàn phần với kháng nguyên

d) Thành phần bộ kit

Tên nguyên liệu	Qui cách	Yêu cầu
- Đĩa phản ứng (96 giếng)	30 đĩa	phủ kháng thể IFN- γ
- Đối chứng dương Bovine IFN- γ	03 x 2 ml	0.01% w/v Thimerosal
- Đối chứng âm Bovine IFN- γ	03 x 2 ml	0.01% w/v Thimerosal
- Dung dịch pha loãng mẫu	01 x 175 ml	0.01% w/v thimerosal
- Đệm rửa 20X	02 x 500 ml	0.01% w/v thimerosal
- Conjugate (Kháng thể kháng IFN- γ trên bò được gắn enzyme Horseradish peroxidase) 100X	02 x 2 ml	0.01% w/v thimerosal
- Dung dịch pha loãng Conjugate	02 x 175 ml	0.01% w/v thimerosal
- Dung dịch đệm pha loãng chất tạo màu	02 x 175 ml	chứa H ₂ O ₂
- Chất tạo màu 100X	02 x 2 ml	chứa TMB trong DMSO
- Dung dịch dừng phản ứng	01 x 175 ml	0,5M H ₂ SO ₄

e) Cung cấp kèm theo

- Protein tinh sạch chứa Mycobacterium avium bất hoạt (25.000 IU/ml). Số lượng 3 x 5 ml

- Protein tinh sạch chứa Mycobacterium bovis (strain AN5) bất hoạt (30.000 IU/ml). Số lượng 3 x 5 ml

- Dung dịch RPMI 1640 Medium. Số lượng: 1 x 500 ml

- Đĩa nuôi cấy tế bào máu. Số lượng: 150

2.4. Kít xét nghiệm kháng thể kháng virus bệnh ở mồm long móng (FMD serotype O): 01 bộ

a) Đặc tính: phát hiện kháng thể kháng virus bệnh Lở mồm long móng (FMD serotype O) bằng kỹ thuật liquid phase blocking ELISA.

b) Nhiệt độ ủ mẫu khi xét nghiệm ở 37 độ C. Đọc kết quả ở bước sóng 492 nm

c) Xét nghiệm định tính ≥ 4800 mẫu huyết thanh hoặc định lượng ≥ 2400 mẫu - phát hiện kháng thể Lở mồm long móng serotype O trên gia súc các loài móng chẵn

d) Thành phần bộ kit

Tên nguyên liệu	Qui cách	Yêu cầu
- Rabbit antisera, FMDV O	2 x 0,5ml	$\geq 1/1000$
- Guinea Pig antisera, FMDV O	15 x 0,5 ml	$\geq 1/100$
- Positive bovine control serum FMDV O (C++)	8 x 0,5 ml	$\geq 1/16$
- Positive bovine control serum FMDV O (C+)	4 x 0,5 ml	$\geq 1/16$
- Negative bovine control serum (C-)	4 x 0,5 ml	$\geq 1/16$
- Conjugate kháng thể chuột lang kháng kháng thể thỏ	1 x 1 ml	$\geq 1\text{mg/ml}$; pH 7.4 4mg/mL BSA, 40% glycerol; 0.19% Kathon
- Carbonate/bicarbonate (dạng bột)	01 hộp	pH 9.2 – 9.6
- Phosphate Buffered Saline	100 viên	
- Skimmed milk powder	≥ 100 g	
- Detergent, tween 20	1 x 20 ml	
- Ortho-phenylenediamine	30 x 30 mg	
- Hydrogen peroxide	2 x 1g	
- Phosphate/citrate buffer	15 viên	
- Sterile distilled water (reconstitution Diluent 1)	2 x 20 ml	
- Sterile distilled water (reconstitution Diluent 2)	1 x 20 ml	glycerol
- Phenol red solution	1 x 20 ml	pH indicator (pH 6.4–8.2)
- pH indicator strips	100	pH indicator (pH 5-10)
- Đĩa phản ứng miễn dịch NUNC (96 giếng đáy bằng cho ELISA)	120	
- U bottom Microplates	25 đĩa	
- Plastic Tweezers	1 cái	
- Control antigens, serotype O1 Manisa	8 x 1ml	$\geq 1/50 - 1/100$

2.5. Kít xét nghiệm kháng thể gây hội chứng rối loạn hô hấp và sinh sản trên heo (PRRS): 01 bộ

a) Đặc tính: phát hiện kháng thể kháng virus PRRS gây hội chứng rối loạn hô hấp và sinh sản trong huyết thanh và huyết tương heo bằng kỹ thuật ELISA

b) Nhiệt độ ủ mẫu khi xét nghiệm ở (18 - 26) độ C. Đọc kết quả ở bước sóng 650 nm

c) Xét nghiệm định tính ≥ 450 mẫu huyết thanh

d) Thành phần bộ kit

Tên nguyên liệu	Qui cách	Yêu cầu
-----------------	----------	---------

- Đĩa phản ứng (96 giếng)	5 đĩa	Phủ kháng nguyên virus PRRS
- Đối chứng dương	1 x 4 ml	
- Đối chứng âm	1 x 4 ml	
- Dung dịch kháng thể heo gấn enzyme peroxidase	1 x 60 ml	
- Dung dịch pha loãng mẫu	1 x 120 ml	
- Dung dịch rửa nồng độ 10X	1 x 235 ml	
- Dung dịch chất tạo màu	1 x 60 ml	
- Dung dịch dùng phản ứng	1 x 60 ml	

2.6. Kháng nguyên Newcastle: 05 bộ

a) Đặc tính: phát hiện kháng thể kháng virus Newcaslte chủng Lasota bằng kỹ thuật HA – HI

b) Hạn sử dụng: tối thiểu 36 tháng kể từ ngày giao hàng.

c) Thành phần: Kháng nguyên Newcastle đông khô nồng độ $\geq 1/32$; bất hoạt với 0.05% beta-propiolactone. Số lượng: 01 lọ

2.7. Kháng nguyên Sảy thai truyền nhiễm: 02 bộ

a) Đặc tính: phát hiện kháng thể bệnh Sảy thai truyền nhiễm trong huyết thanh gia súc bằng kỹ thuật Rose Bengal

b) Chuẩn độ kháng nguyên: dương tính ở độ pha loãng 1/45; âm tính ở độ pha loãng 1/55 (theo yêu cầu của OIE)

c) Thành phần: Brucella arbotus (Weybridge strain 99) bất hoạt bởi nhiệt và phenol (0,5%) Số lượng: 1 lọ x 10 ml

2.8. Kít xét nghiệm phát hiện kháng thể kháng virus Đại: 15 bộ

a) Đặc tính: phát hiện kháng thể IgG kháng vi rút Đại trong huyết thanh hoặc huyết tương chó bằng kỹ thuật ELISA.

b) Nhiệt độ ủ mẫu khi xét nghiệm ở 37 độ C. Đọc kết quả ở bước sóng 450nm và 620 nm.

c) Số mẫu xét nghiệm: ≥ 20 mẫu định lượng

d) Thành phần bộ kit

Tên nguyên liệu	Qui cách	Yêu cầu
- Đĩa phản ứng (96 giếng)	1 đĩa	phủ kháng nguyên Đại bất hoạt
- Dung dịch pha loãng	1 x 18 ml	
- Đối chứng dương	1 x 0,5 ml	Đông khô
- Đối chứng âm	1 x 1 ml	Đông khô
- Kháng thể kháng loài HRPO	1 x 12 ml	
- Dung dịch rửa 200X	1 x 20 ml	
- Dung dịch chất tạo màu Substrate A	1 x 8 ml	
- Dung dịch chất tạo màu Substrate B	1 x 8 ml	
- Dung dịch dùng phản ứng	1 x 8 ml	

2.9. Kit ly trích DNA/RNA bằng hạt từ: 05 bộ

a) Đặc tính: sử dụng hạt từ tinh sạch nucleic acid (DNA/RNA) của nhiều nền mẫu động vật như: máu toàn phần, phân, dịch hầu họng, swab, mô, sữa, tinh dịch, huyết thanh, huyết tương... tương thích với thiết bị KingFisher™ mL

b) Ly trích 500 phản ứng. Lượng mẫu đầu vào: 0.2 - 0.3 g hoặc 200 μ l; mẫu đầu ra: DNA/RNA

c) Thành phần

Tên nguyên liệu	Qui cách	Yêu cầu
- Dung dịch ly trích	01 x 275 ml	
- Dung dịch kết dính	01 x 220 ml	
- Dung dịch rửa 1	01 x 300 ml	
- Dung dịch rửa 2	01 x 300 ml	
- Dung dịch đệm rửa giải	01 x 55 ml	
- Dung dịch hạt từ	1 x 11 ml	
- Proteinase K	1 x 5 ml	

2.10. Master mix khuếch đại RNA dùng cho phản ứng realtime RT-PCR: 22 bộ

a) Đặc tính: dùng khuếch đại mẫu RNA một bước RT-PCR cho kỹ thuật Realtime RT-PCR

b) bộ kit dùng ≥ 100 phản ứng

c) Thành phần

Tên nguyên liệu	Qui cách	Yêu cầu
- Dung dịch tạo mix chứa Taq	01 x 100 μ l	gồm enzyme phiên mã ngược, enzyme tăng bản sao phiên mã ngược và enzyme hoạt hoá DNA sử dụng nhiệt.
- Dung dịch đệm 2X	02 x 1.25ml	chứa 0.4 mM mỗi dNTP và 6mM MgSO ₄
- Dung dịch MgSO ₄ 50 mM	01 x 1 ml	
- Màu tham chiếu ROX 25 μ M	01 x 100 μ l	

2.11. Master mix khuếch đại mẫu RNA dùng cho phản ứng RT-PCR: 03 bộ

a) Đặc tính: dùng khuếch đại mẫu RNA một bước RT-PCR cho kỹ thuật RT-PCR

b) bộ kit dùng ≥ 100 phản ứng

c) Thành phần

Tên nguyên liệu	Qui cách	Yêu cầu
- Dung dịch tạo mix chứa Taq	01 x 100 μ l	gồm enzyme phiên mã ngược, enzyme tăng bản sao phiên mã ngược và

		enzyme hoạt hoá DNA sử dụng nhiệt.
- Dung dịch đệm phản ứng RT-PCR	02 x 1.25ml	Đậm đặc $\geq 2x$
- Dung dịch tăng hiệu quả khuếch đại DNA	01 x 1 ml	Chứa MgSO ₄

2.12. Master mix khuếch đại mẫu DNA dùng cho phản ứng realtime PCR: 71bộ

a) Đặc tính: dùng khuếch đại mẫu DNA cho kỹ thuật realtime PCR

b) Thành phần

Tên nguyên liệu	Qui cách	Yêu cầu
- Hỗn hợp 2X master Mix	01 x 1 ml	đậm đặc 02 lần chứa HotStarTaq DNA Polymerase, MgCl ₂ , dNTPs, chất tăng cường, chất ổn định
- Dung dịch nhuộm	1 x 0,2 ml	25 μ M

2. 13. Kit Phát hiện bệnh Tilapia lake virus (TiLV) trên cá rô phi: 01 bộ

a) Đặc tính: Phát hiện virus bệnh TiLV bằng kỹ thuật Realtime PCR, sử dụng đầu dò Taqman: có thể chịu được lượng tải mẫu cao hơn phản ứng dựa trên SYBR Green. Thiết kế màu kép: hệ thống có thể định lượng cả mầm bệnh mục tiêu (FAM) và Chứng nội trong một phản ứng duy nhất.

b) Xét nghiệm ≥ 200 phản ứng - phát hiện virus gây bệnh bệnh TiLV trên cá rô phi

c) Thành phần

Tên nguyên liệu	Qui cách	Yêu cầu
- Realtime PreMix (buffer, dNTPs, primers chuyên biệt, và fluorescent probes)	4 x 1 ml	≥ 200 phản ứng
- Đối chứng dương TiLV	01 x 0,5 ml	Chứa một phần trình tự plasmid DNA của TiLV $\geq 10^4$ copies
- IQzyme DNA Polymerase	1 x 200 μ l	
- RT Enzyme Mix	1 x 200 μ l	

2. 14. Kit Phát hiện bệnh vi bào tử trùng EHP trên tôm: 06 bộ

a) Đặc tính: Phát hiện vi khuẩn gây bệnh vi bào tử trùng trên tôm bằng kỹ thuật Realtime PCR, sử dụng đầu dò Taqman: có thể chịu được lượng tải mẫu cao hơn phản ứng dựa trên SYBR Green. Thiết kế màu kép: hệ thống có thể định lượng cả acid nucleic đích của mầm bệnh (FAM) và Chứng nội trong một phản ứng duy nhất.

b) Xét nghiệm ≥ 200 phản ứng

c) Thành phần

Tên nguyên liệu	Qui cách	Yêu cầu
- Realtime PreMix (buffer, dNTPs, primers)	4 x 1 ml	200 phản ứng

chuyên biệt, và fluorescent probes)

- Đối chứng dương EHP	01 x 0,5 ml	Chứa plasmid DNA của EHP $\geq 10^4$ copies
- IQzyme DNA Polymerase	1 x 200 μ l	

2. 15. Kit Phát hiện bệnh Herpes virus (KHSV) trên cá chép: 01 bộ

a) Đặc tính: Phát hiện vi rút gây bệnh Herpes virus trên cá chép bằng kỹ thuật Realtime PCR, sử dụng đầu dò Taqman: có thể chịu được lượng tải mẫu cao hơn phản ứng dựa trên SYBR Green. Thiết kế màu kép: hệ thống có thể định lượng cả acid nucleic đích của mầm bệnh (FAM) và Chứng nội trong một phản ứng duy nhất.

b) Xét nghiệm ≥ 200 phản ứng

c) Thành phần

Tên nguyên liệu	Qui cách	Yêu cầu
- Realtime PreMix (buffer, dNTPs, primers chuyên biệt, và fluorescent probes)	4 x 1 ml	≥ 200 phản ứng
- Đối chứng dương KHSV	01 x 0,5 ml	Chứa plasmid DNA của KHSV $\geq 10^4$ copies
- IQzyme DNA Polymerase	1 x 200 μ l	

2. 16. Kit Phát hiện bệnh đốm trắng trên tôm: 01 bộ

a) Đặc tính: Phát hiện đoạn gene mục tiêu kích thước 296 bp và 550 bp bệnh đốm trắng trên tôm được sử dụng trên thiết bị PCR truyền thống. Bộ kit được thiết kế phát hiện "internal control gene" nhằm tránh hiện tượng âm tính giả.

b) Xét nghiệm ≥ 200 phản ứng

c) Thành phần

Tên nguyên liệu	Qui cách	Yêu cầu
- Dung dịch phản ứng bước 1 - First PCR PreMix (buffer, dNTPs, và WSSV specific primers)	4 x 450 μ l	≥ 200 phản ứng
- Dung dịch phản ứng bước 2 - Nested PCR PreMix (buffer, dNTPs, và WSSV specific primers)	4 x 840 μ l	≥ 200 phản ứng
- Đối chứng dương WSSV	1 x 100 μ l	Chứa plasmid DNA của WSSV $\geq 10^4$ copies
- IQzyme DNA Polymerase	1 x 360 μ l	
- Dung dịch nhuộm đậm đặc 6 lần (1500 μ l/lọ)	1 x 1500 μ l	
- DNA molecular weight marker 848 bp, 630 bp, 333 bp	1 x 100 μ l	

2. 17. Lược bằng plastic dùng cho máy ly trích tự động (Tip comb): 02 thùng

a) Vật tư: lược để bọc thanh từ của máy ly trích tự động KingFisher mL

b) Mô tả: Lược hình trụ với đáy ống bọc chữ U. Được làm từ plastic, vô

trùng, không chứa RNase/DNase; 5 đầu răng lược phù hợp cho 5 dây ống tube KingFisher mL

c) Số lượng: 1 thùng (800 lược)

2. 18. Dây 5 giếng chứa mẫu dùng cho máy ly trích tự động (Tube Kingfisher): 10 thùng

a) Vật tư: dùng để chứa dung dịch và sản phẩm ly trích

b) Mô tả: Đáy giếng chữ U, làm từ plastic, vô trùng, không chứa RNase/DNase

c) Số lượng: 1 thùng (900 dây)

Ghi chú: Các đơn vị báo giá cho từng loại hàng hóa nêu trên, trong đó giá đã bao gồm thuế VAT, chi phí giao hàng, bốc xếp đến địa điểm kho của Chi cục Chăn nuôi và Thú y; giá này không được thay đổi trong quá trình thực hiện hợp đồng; đồng thời nhà thầu, nhà cung cấp phải có trách nhiệm phối hợp với Chi cục Chăn nuôi và Thú y thực hiện lấy mẫu kiểm tra chất lượng hàng hoá theo từng đợt nhận hàng; nhà thầu, nhà cung cấp chịu chi phí kiểm tra này./.